

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ  
mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 794 /TTr-VPUBND ngày 24 tháng 10 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2020. *Phạm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật);
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- UBND cấp xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (HLy 15).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**

Đắk Lắk, ngày                      tháng                      năm 2020

## QUY ĐỊNH

### Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 07 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền ban hành và nội dung chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước thuộc tỉnh trong việc thực hiện công tác báo cáo giữa các cơ quan với nhau và giữa cơ quan hành chính Nhà nước với các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và chế độ báo cáo chuyên đề, chế độ báo cáo đột xuất.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị) và các cơ quan theo ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

#### Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

1. Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền; đồng thời, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo đối với Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nội dung chế độ báo cáo phải phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật do cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền ban hành.

3. Chế độ báo cáo được ban hành phải thực sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền; phù hợp về thẩm quyền ban hành và đối tượng yêu cầu báo cáo.

4. Các số liệu yêu cầu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện chế độ báo cáo và công tác phối hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

## **Chương II**

### **THẨM QUYỀN BAN HÀNH, NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 4. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo**

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

#### **Điều 5. Nội dung yêu cầu báo cáo**

1. Nội dung yêu cầu báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn bản hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

#### **Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ hàng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hàng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

#### **Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo**

1. Báo cáo tháng: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 hàng tháng; các cơ quan, đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân

dân tình chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng.

2. Báo cáo quý: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối quý; các cơ quan, đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối quý.

3. Báo cáo 6 tháng:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 6; các cơ quan, đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 20 tháng 6;

b) Báo cáo 6 tháng cuối năm: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 12; các cơ quan đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 20 tháng 12.

4. Báo cáo năm: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hàng năm; các cơ quan đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 20 tháng 12.

5. Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày nghỉ đó.

#### **Điều 8. Phương thức gửi, nhận báo cáo**

Phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước.

#### **Điều 9. Trách nhiệm xử lý, tổng hợp thông tin báo cáo**

Các cơ quan được giao chủ trì báo cáo có trách nhiệm thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin và báo cáo theo thời hạn quy định tại Điều 7 của Quy định này.

#### **Điều 10. Danh mục báo cáo**

Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo, biểu mẫu báo cáo, thực hiện theo Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Quy định này.

### **Chương III**

## **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 11. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

### **Điều 12. Nguyên tắc xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo**

1. Bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí trong đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh; tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu phục vụ kết nối Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin thông suốt giữa Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công nghệ thông tin, văn thư, lưu trữ, an ninh, an toàn thông tin và các quy định khác của pháp luật liên quan.

### **Điều 13. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo**

Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp số liệu báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng đề cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan, người có thẩm quyền.

### **Điều 14. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ**

1. Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2. Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

### **Điều 15. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo**

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh xây dựng theo Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, tổ chức điều phối việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống

thông tin báo cáo tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo cơ quan, đơn vị để hình thành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh thông suốt từ cấp tỉnh đến cơ quan, đơn vị.

#### **Chương IV**

### **QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 16. Quyền của các cơ quan, đơn vị trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**

1. Các cơ quan, đơn vị được quyền khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo phân cấp quản lý.

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin báo cáo được truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp cập nhật để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của mình.

#### **Điều 17. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo**

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 9, Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin 2016.

2. Đầu mỗi quản lý, lưu trữ, chia sẻ thông tin báo cáo như sau:

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do các cơ quan, đơn vị ban hành.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo**

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo.

2. Các thông tin, số liệu báo cáo phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo do mình cung cấp.

4. Người ký báo cáo phải đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân báo cáo.

5. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo.

6. Các cơ quan, đơn vị, công chức và tổ chức, cá nhân có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 19. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.

3. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

#### Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý Nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Quy định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Theo dõi tình hình chế độ báo cáo thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo Quy định này.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy định này; phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý Nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu tại Quy định này. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ tại Quyết định này hoặc được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông vận hành xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin báo cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật. Thiết lập các hệ thống giám sát, phòng, chống tấn công, chống thất thoát dữ liệu, phòng, chống vi rút để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổng hợp, định kỳ báo cáo tình hình quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh, trừ trường hợp có quy định khác.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *thuat*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Phạm Ngọc Nghị*

**Phạm Ngọc Nghị**



**Phụ lục I**

**DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

(Kèm theo Quyết định số 24 /2020/QĐ-UBND ngày 10 / 07 /2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Cơ quan chủ trì, tham mưu báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Văn bản Quy phạm pháp luật quy định báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo/Biểu mẫu số liệu báo cáo
1	Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng, quý, 6 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh	Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh	Phụ lục II - Phần I. Đề cương báo cáo - Phần II. Biểu mẫu báo cáo
2	Báo cáo tình hình quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh	Các sở, ngành	Năm	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh	Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND, ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh	Phụ lục III Đề cương báo cáo

**Phụ lục II**  
**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**  
**KINH TẾ - XÃ HỘI**  
(Kèm theo Quyết định số 24 /2020/QĐ-UBND ngày 10 / 07/2020  
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

**Phần I. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

CƠ QUAN A

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-....., ngày tháng năm 20.....

**Kính gửi: .....**

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH TRONG KỲ BÁO CÁO**

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu (Các chỉ tiêu chủ yếu đã được HĐND tỉnh thông qua trong năm 2020).

(Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách báo cáo).

2. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực kinh tế

Đánh giá cụ thể những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân (có số liệu dẫn chứng cụ thể).

2.1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn (Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Đánh giá chung về tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn trong kỳ báo cáo (tình hình thực hiện, áp dụng các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, các Đề án trong lĩnh vực nông nghiệp đã được ban hành trong thời gian qua).

- Đánh giá về tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế; kết quả chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp (đối với báo cáo năm).

a) Về trồng trọt

- Việc thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực trồng trọt: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng cơ giới hóa, công tác khuyến nông, tập quán canh tác,...

- Kết quả sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh: Diện tích, năng suất, sản lượng (theo từng vụ), cơ cấu giống. Tổng sản lượng lương thực có hạt (so với mục tiêu Kế hoạch đề ra).

- Kết quả phát triển từng loại cây trồng chính (cây hàng năm, cây lâu năm, cây ăn quả): Địa điểm thực hiện, diện tích trồng mới, diện tích hiện có, tình hình sinh trưởng phát triển...

- Kết quả xây dựng, phát triển các vùng sản xuất lương thực hàng hóa tập trung tại các cánh đồng lớn như: Địa điểm thực hiện, diện tích, năng suất, sản lượng; cơ cấu giống, chất lượng, thị trường tiêu thụ...

- Công tác Bảo vệ thực vật: Tình hình dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh

#### b) Về chăn nuôi

- Việc thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực chăn nuôi: Đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện việc phát triển chăn nuôi, công tác chuyên đổi phương thức chăn nuôi, việc liên kết trong sản xuất kinh doanh; kết quả phát triển chăn nuôi theo hướng tạo ra các sản phẩm đặc sản, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

- Số cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, quy mô, hiệu quả hoạt động.

- Tổng đàn gia súc, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc... (so sánh với mục tiêu Kế hoạch đề ra).

- Công tác kiểm soát dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh.

c) Thủy sản: Đánh giá kết quả phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản; đánh giá kết quả thực hiện việc khai thác phát triển thủy sản có lợi thế: Nuôi trồng thủy sản nước lạnh, thủy sản lòng hồ thủy lợi, thủy điện.

#### d) Lâm nghiệp:

- Phát triển rừng: Tổng diện tích rừng tự nhiên, trồng rừng mới theo Kế hoạch (ha)...; tỷ lệ che phủ rừng; công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; công tác quản lý, bảo vệ rừng, tình trạng vi phạm lâm luật....

đ) Tình hình thiên tai; công tác phòng chống thiên tai.

e) Dân di cư tự do: Tình trạng dân di cư tự do, Công tác giải quyết ổn định dân di cư tự do.

#### e) Xây dựng nông thôn mới:

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới; số xã mới đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ xã đạt chuẩn, bình quân các xã đạt tiêu chí nông thôn mới... (so sánh với mục tiêu Kế hoạch đề ra)

- Kết quả huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn (Tổng vốn huy động, trong đó: vốn ngân sách nhà nước, nhân dân đóng góp, huy động của các tổ chức...).

### 2.1.2. Ngành công nghiệp - xây dựng:

Đánh giá cụ thể những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân (có số liệu dẫn chứng cụ thể).

#### a) Ngành công nghiệp (Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương):

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển công nghiệp; việc thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp; tình hình phát triển các ngành công nghiệp như: thủy điện, điện gió, điện mặt trời; công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp khai thác và sản xuất các loại vật liệu, cơ khí... Tình hình phát triển ngành nghề thủ công, mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, phát triển khu, cụm công nghiệp; sản xuất vật liệu xây dựng...

#### \* Tình hình hoạt động khu, cụm công nghiệp:

- Tổng số dự án đầu tư tại khu công nghiệp, với số vốn đăng ký ... tỷ đồng; với diện tích đất, đạt tỷ lệ lấp đầy bao nhiêu % diện tích. Có bao nhiêu dự án đang hoạt động, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động.

- Tổng số dự án đầu tư tại cụm công nghiệp, với số vốn đăng ký ... tỷ đồng, với diện tích đất, đạt tỷ lệ lấp đầy bao nhiêu % diện tích.

#### b) Ngành xây dựng (Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng):

Kết quả thực hiện trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; công tác quản lý quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch, cấp phép xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng; công tác phát triển dự án nhà ở, khu đô thị mới trên địa bàn,...

### 2.1.3 Ngành thương mại - dịch vụ

#### - Hoạt động thương mại (Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương):

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về phát triển thương mại, dịch vụ; các hoạt động xúc tiến thương mại, các dịch vụ phục vụ sản xuất, thị trường tiêu thụ hàng nông sản; các hoạt động quản lý thị trường.

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

+ Kim ngạch xuất khẩu

+ Kim ngạch nhập khẩu

#### - Dịch vụ du lịch (Đơn vị báo cáo: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch):

+ Tổng lượt khách, tổng doanh thu,....

- Dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa (Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê tỉnh, Sở Giao thông vận tải): Các chỉ tiêu về khối lượng vận chuyển, lưu lượng vận chuyển hành khách, hàng hóa

- Dịch vụ thông tin và truyền thông (Đơn vị báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông): Kết quả phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet, góp

phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của địa phương như thế nào.

2.1.4. Công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường (Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đánh giá tình hình thực hiện việc quản lý đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường trên địa bàn; kết quả công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; xây dựng các công trình xử lý nước thải, rác thải tập trung tại các đô thị; gắn phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường. Các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

2.1.5. Giao thông vận tải (Đơn vị báo cáo: Sở Giao thông vận tải)

- Công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa, thi công công trình các quốc lộ, tỉnh lộ.

- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư về giao thông; công tác giải ngân.

- Kiểm định phương tiện.

- Đào tạo sát hạch lái xe.

2.1.6. Thu - chi ngân sách (Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh)

Công tác chỉ đạo, đôn đốc thu NSNN, thu thuế trên địa bàn; tình hình thực hiện thu - chi ngân sách trên địa bàn tỉnh,...

2.1.7. Hoạt động ngân hàng (Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk)

Tình hình triển khai thực các cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; phát triển các mạng lưới ngân hàng; tình hình thực hiện lãi suất; hoạt động huy động vốn và hoạt động đầu tư tín dụng; cho vay các lĩnh vực ưu tiên, chất lượng tín dụng; công tác thanh toán không dùng tiền mặt;...

2.1.8. Công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại (Đơn vị báo cáo: Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đánh giá các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và quảng bá địa phương ở nước ngoài; vận động, kêu gọi viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế; quản lý, theo dõi các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh và quản lý đoàn vào, đoàn ra.

2.1.9. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và kinh tế đối ngoại (Đơn vị báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư (Tổng số dự án được cấp phép đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, tổng số vốn đăng ký đầu tư,...)

a) Xúc tiến đầu tư:

b) Thu hút đầu tư:

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):
- Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):
- Công tác quản lý nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO):
- Đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP:

2.1.10. Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể (Đơn vị báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Đánh giá, phân tích các cơ chế chính sách đã ban hành nhằm khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi và bình đẳng cho phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Tình hình phát triển doanh nghiệp
- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp
- Hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh
- Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
- Tình hình kinh tế tập thể:

2.2. Về đầu tư công (Đơn vị báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công và giải ngân.
- Các khó khăn, vướng mắc
- Công tác giám sát, đánh giá đầu tư
- Công tác quản lý đấu thầu qua mạng

2.3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Đánh giá cụ thể những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân (có số liệu dẫn chứng cụ thể).

2.3.1. Giáo dục và đào tạo (Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo)

a) Giáo dục

- Tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục, đào tạo trong kỳ báo cáo.

- Đánh giá kết quả thực hiện đổi mới toàn diện giáo dục, chất lượng giáo dục ở các cấp học....Số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục,...

- Đánh giá về quy mô mạng lưới trường lớp học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học (tổng số trường, lớp học; số phòng học kiên cố,...).

- Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; chất lượng công tác phổ cập giáo dục ...